

Số: 139/QĐ-VKSCB

Cao Bằng, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán tiền lương, quỹ tiền thưởng của biên chế năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-VKSCB ngày 02/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán tiền lương, quỹ tiền thưởng của biên chế năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Viện KSND tỉnh Cao Bằng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán tiền lương, quỹ tiền thưởng biên chế năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng (theo phụ lục và Quyết định đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Viện KSND tối cao (Cục 3);
- Trang tin của VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Lưu VT, KT.



VIỆN TRƯỞNG

Đàm Nghĩa Quân



VIỆN KSND TỈNH CAO BẰNG
Chương 004

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN
VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 139 /QĐ-VKSCB ngày 15/01/2025 của Viện trưởng Viện
KSND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Số chưa phân bổ
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước (không bao gồm chi đầu tư)	43.987,4	43.987,4	0,0
1	Chi quản lý hành chính	43.987,4	43.987,4	0,0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	42.032,5	42.032,5	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.954,9	1.954,9	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			0,0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			

Handwritten signature



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

PHỤ LỤC PHÂN BỐ DỰ TOÁN TIỀN LƯƠNG, QUỸ TIỀN THƯỞNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-VKSCB ngày 02/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: triệu đồng

STT	VKS tỉnh	Tên đơn vị cấp III	Tổng dự toán toán ngành	Quản lý hành chính					Sự nghiệp giáo dục đào tạo								Sự nghiệp khoa học công nghệ (Không tự chủ)(loại 100-103)	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
				Loại 340-341	Loại 340-341 (Vốn trong nước)	Trong đó		Loại 340- 341 (Vốn nước ngoài)	Cộng giáo dục đào tạo	Loại 070-081	Trong đó		Đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ, công chức					
						Tự chủ	Không tự chủ						Loại 070-085	Hỗ trợ đào tạo sau đại học	Tổng cộng đào tạo trong nước	Đào tạo nước ngoài		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Cao Bằng	Văn phòng Viện KSND tỉnh	18.303,6	18.303,6	18.303,6	17.481,2	822,4											
2	Cao Bằng	Viện KSND thành phố Cao Bằng	3.067,7	3.067,7	3.067,7	2.924,0	143,7											
3	Cao Bằng	Viện KSND huyện Trùng Khánh	3.012,6	3.012,6	3.012,6	2.874,6	138,0											
4	Cao Bằng	Viện KSND huyện Thạch An	2.398,0	2.398,0	2.398,0	2.305,0	93,0											
5	Cao Bằng	Viện KSND huyện Quảng Hòa	2.737,9	2.737,9	2.737,9	2.617,2	120,7											
6	Cao Bằng	Viện KSND huyện Nguyên Bình	2.043,4	2.043,4	2.043,4	1.944,9	98,5											
7	Cao Bằng	Viện KSND huyện Hòa An	2.891,2	2.891,2	2.891,2	2.749,8	141,4											
8	Cao Bằng	Viện KSND huyện Hà Quảng	2.295,9	2.295,9	2.295,9	2.180,5	115,4											
9	Cao Bằng	Viện KSND huyện Hạ Lang	2.809,4	2.809,4	2.809,4	2.709,9	99,5											
10	Cao Bằng	Viện KSND huyện Bảo Lâm	2.457,2	2.457,2	2.457,2	2.370,0	87,2											
11	Cao Bằng	Viện KSND huyện Bảo Lạc	1.970,5	1.970,5	1.970,5	1.875,4	95,1											
	Tổng cộng		43.987,4	43.987,4	43.987,4	42.032,5	1.954,9	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0

2/1/25

Số: 31/QĐ-VKSCB

Cao Bằng, ngày 02 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán tiền lương, quỹ tiền thưởng của biên chế năm 2025

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán tiền lương, quỹ tiền thưởng của biên chế năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Viện KSND tỉnh Cao Bằng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán tiền lương của biên chế năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh văn phòng, Kế toán trưởng Viện KSND tỉnh Cao Bằng, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Cục kế hoạch - Tài chính (B/c);
- KBNN nơi giao dịch (để theo dõi);
- Lưu VP.

VIỆN TRƯỞNG

Đàm Nghĩa Quân



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Phụ lục

PHÂN BỐ DỰ TOÁN TIỀN LƯƠNG, QUỸ TIỀN THƯỞNG CỦA BIÊN CHẾ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-VKSCB ngày 02/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: đồng

TÊN ĐƠN VỊ	MÃ QHVNS	QUỸ TIỀN LƯƠNG NĂM 2025 (nguồn 13)	QUỸ TIỀN THƯỞNG NĂM 2025 (Nguồn 18)
1. Văn phòng Viện KSND tỉnh Cao Bằng	1003571	17.481.200.000	822.400.000
2. Viện KSND huyện Hạ Lang	1001839	2.709.900.000	99.500.000
3. Viện KSND huyện Bảo Lạc	1002916	1.875.400.000	95.100.000
4. Viện KSND huyện Hà Quảng	1003385	2.180.500.000	115.400.000
5. Viện KSND huyện Hòa An	1003569	2.749.800.000	141.400.000
6. Viện KSND huyện Nguyên Bình	1003389	1.944.900.000	98.500.000
7. Viện KSND huyện Quảng Hòa	1003676	2.617.200.000	120.700.000
8. Viện KSND huyện Thạch An	1003570	2.305.000.000	93.000.000
9. Viện KSND huyện Trùng Khánh	1003396	2.874.600.000	138.000.000
10. Viện KSND huyện Bảo Lâm	1003022	2.370.000.000	87.200.000
11. Viện KSND Thành phố Cao Bằng	1002915	2.924.000.000	143.700.000
Tổng cộng		42.032.500.000	1.954.900.000

Ghi chú:

1. Kinh phí thực hiện tự chủ:

- Kinh phí quỹ tiền lương biên chế năm 2025 (nguồn 13) 42.032.500.000đ

2. Kinh phí không thực hiện tự chủ:

- Kinh phí quỹ tiền thưởng cho biên chế năm 2025 (nguồn 18) 1.954.900.000đ

2/1/2025